

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
PHONG PHÚ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 47
8. Phụ lục	48 - 54

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước – Tổng Công ty Phong Phú theo Quyết định số 06/2007/QĐ-BCN ngày 11 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446006, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 02 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 48 Tầng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84 – 28) 35 147 340
- Fax : (84 – 28) 38 406 790

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	378 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Nhà máy dệt 2 – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Nẵng	Đường số 03, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Linh Chiểu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Hà Nội	184 Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Nha Trang	Km1447, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Lạt – Khách sạn Du Lys	14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Nha Trang – Cửa hàng bán lẻ may mặc	64 Quang Trung, Phường Vạn Thắng, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất sợi, chỉ may, chỉ thêu, vải dệt thoi, sản xuất khăn, vải, sợi, quần áo, hàng may sẵn (trừ trang phục, trừ tấy, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng); Bao bì (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Mua bán máy móc, phụ tùng ngành dệt, may. Kinh doanh thiết bị văn phòng, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm, môi trường. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, thiết bị dùng trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp;
- Dịch vụ nghiên cứu khoa học; chuyển giao công nghệ;
- Chăn nuôi lợn (không hoạt động tại trụ sở);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác và chế biến lâm sản;
- Thi công, tư vấn, thiết kế, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện công nghiệp, điện lạnh;
- Dịch vụ ăn uống (không hoạt động ăn uống và trò chơi giải trí tại trụ sở);
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu đô thị, phát triển nhà;
- Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Giáo dục mầm non, tiểu học;
- Gia công cơ khí;



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí;
- Xử lý nước thải;
- Hoạt động trang trí nội thất;
- Quảng cáo;
- Bán lẻ hàng may mặc;
- Trồng cây lấy củ có chất bột, mía, cây thuốc lá, cây thuốc Lào, cây lấy sợi, cây có hạt chứa dầu, cây hồ tiêu, cây cao su, cây cà phê, cây chè; trồng rau, đậu các loại, cây cảnh và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Xuân Trinh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Bà Bùi Thị Thu	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Ngọc Nga	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Dương Khuê	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Bà Trần Liên Hữu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Phạm Xuân Trinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2013
Bà Bùi Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2020
Ông Lý Anh Tài	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Nhiệm	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Võ Đình Hùng	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Bà Trương Thị Ngọc Phượng	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2016
	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Xuân Trinh – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2013).

Ông Phạm Xuân Trinh đã ủy quyền cho Ông Lý Anh Tài – Giám đốc điều hành ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy ủy quyền số 346/UQ-PP ngày 14 tháng 8 năm 2020.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn.

44000
CÔNG
PHẦN
CÔNG P
TP. HỒ

0449815
ÔNG TY
NHIỆM HỮU
TOÁN VÀ TƯ
& C
- T. PH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Lý Anh Tài
Giám đốc điều hành

Ngày 26 tháng 8 năm 2020

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.1296/20/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 21 tháng 8 năm 2020, từ trang 07 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ liên quan đến việc chuyển nhượng Dự án Phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV và Tổng Công ty. Hiện tại Tổng Công ty đang chờ hướng dẫn và giải quyết các vấn đề dân sự phát sinh (nếu có) do việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án giữa các bên theo quy định pháp luật hiện hành.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.964.817.230.148	2.466.373.783.783
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31.427.465.709	62.686.638.968
1. Tiền	111		31.327.465.709	62.386.638.968
2. Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000	300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.006.818.184.496	1.376.035.312.046
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	387.881.892.454	571.672.278.967
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	24.844.388.756	16.154.274.188
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	131.600.000.000	131.600.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	471.819.927.905	665.007.770.240
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(9.356.899.417)	(8.460.441.541)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		28.874.798	61.430.192
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	892.605.740.107	992.535.410.792
1. Hàng tồn kho	141		924.094.516.071	1.028.212.473.485
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(31.488.775.964)	(35.677.062.693)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.965.839.836	35.116.421.977
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.869.951.833	2.359.686.665
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		29.779.602.786	32.502.977.202
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.19	316.285.217	253.758.110
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.120.264.982.581	2.068.761.937.415
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		68.644.794.179	68.716.794.179
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	5.220.000.000	5.292.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	63.424.794.179	63.424.794.179
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.308.968.737.423	1.361.212.683.261
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.253.770.857.303	1.303.694.928.809
- Nguyên giá	222		2.169.242.298.617	2.152.127.526.231
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(915.471.441.314)	(848.432.597.422)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	51.587.531.363	53.873.208.119
- Nguyên giá	225		59.909.591.916	59.909.591.916
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.322.060.553)	(6.036.383.797)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.610.348.757	3.644.546.333
- Nguyên giá	228		3.883.608.153	3.883.608.153
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(273.259.396)	(239.061.820)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	12.183.975.588	12.425.242.434
- Nguyên giá	231		14.476.010.625	14.476.010.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.292.035.037)	(2.050.768.191)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		32.097.878.510	17.822.149.822
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	32.097.878.510	17.822.149.822
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		635.764.989.386	545.949.072.736
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.14a	526.715.746.709	436.899.830.059
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14b	125.247.365.199	125.247.365.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.14b	(16.198.122.522)	(16.198.122.522)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		62.604.607.495	62.635.994.983
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	38.000.541.993	36.063.604.241
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.16	24.604.065.502	26.572.390.742
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.085.082.212.729	4.535.135.721.198

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.567.516.419.968	2.994.898.343.815
I. Nợ ngắn hạn	310		1.480.546.855.564	1.896.100.193.319
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	340.018.235.884	332.517.913.602
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	22.273.612.890	20.715.182.040
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	16.736.543.948	7.975.851.930
4. Phải trả người lao động	314	V.20	30.218.779.525	68.586.087.067
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.21	10.261.466.570	6.376.402.948
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.22a	3.248.371.091	3.248.371.091
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23a	183.612.799.055	79.169.801.289
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24a	839.178.570.688	1.369.025.676.791
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	34.998.475.913	8.484.906.561
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.086.969.564.404	1.098.798.150.496
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.22b	33.019.731.454	34.839.314.364
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.23b	29.426.000.000	24.726.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.24b	1.021.740.422.245	1.036.125.993.062
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.26	2.783.410.705	3.106.843.070
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.517.565.792.761	1.540.237.377.383
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.517.565.792.761	1.540.237.377.383
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.27	746.708.910.000	746.708.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		746.708.910.000	746.708.910.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	32.368.276.001	32.368.276.001
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.27	375.429.581.476	337.923.966.476
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.27	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.27	345.351.976.413	404.766.823.758
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		176.177.439.910	404.766.823.758
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		169.174.536.503	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.27	17.707.048.871	18.469.401.148
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.085.082.212.729	4.535.135.721.198

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2020



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu



Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng



Lý Anh Tài
Giám đốc điều hành

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


(Dạng đầy đủ)


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.084.142.728.308	1.815.975.744.954
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.325.454.754	7.756.819.872
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.079.817.273.554	1.808.218.925.082
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	959.634.529.200	1.655.672.264.522
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		120.182.744.354	152.546.660.560
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	20.469.386.006	36.529.563.420
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	57.797.878.208	89.607.613.031
Trong đó: chi phí lãi vay	23		49.954.170.009	84.324.781.953
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.14b	189.155.094.911	202.740.325.552
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	39.880.162.682	69.966.599.695
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	60.307.963.170	103.613.295.093
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		171.821.221.211	128.629.041.713
12. Thu nhập khác	31	VI.8	2.154.881	9.174.327.640
13. Chi phí khác	32	VI.9	186.252.446	1.942.628.226
14. Lợi nhuận khác	40		(184.097.565)	7.231.699.414
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		171.637.123.646	135.860.741.127
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	1.111.606.086	3.448.983.616
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		170.525.517.560	132.411.757.511
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		169.387.869.837	135.868.842.749
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.137.647.723	(3.457.085.237)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.121	1.645
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.121	1.645


Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu


Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng


Lý Anh Tài
Giám đốc điều hành



TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		171.637.123.646	135.860.741.127
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11, V.12, V.16	75.021.838.165	86.881.259.506
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.7, V.14, V.26	(3.615.261.218)	(8.000.881.733)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	1.425.726.582	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.14, VI.4, VI.7, VI.8	(198.828.965.499)	(226.346.384.601)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	49.954.170.009	84.324.781.953
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		95.594.631.685	72.719.516.252
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		254.235.264.775	(74.399.224.256)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		104.117.957.414	25.899.922.829
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(17.180.272.688)	(152.228.675.216)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(17.688.163.442)	7.477.305.065
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(56.946.563.237)	(99.704.970.733)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.19	(464.817.846)	(1.926.249.844)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	27.807.027
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.25, V.27	(8.454.817.982)	(13.145.655.273)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		353.213.218.679	(235.280.224.149)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(32.895.998.563)	(34.846.565.119)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.8, VI.9	1.743.407.032	5.703.536.779
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.4	72.000.000	216.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	30.201.055.912
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, V.14, VI.4, VII	255.832.695.955	207.501.039.387
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		224.752.104.424	198.775.066.959

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Sản xuất, mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tẩy, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); Mua bán hóa chất, thuốc nhuộm (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Mua bán máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng, phụ liệu ngành dệt – nhuộm – may; Buôn bán tơ, xơ, sợi dệt, hàng may mặc,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Doanh thu kỳ này giảm so với kỳ trước là do Tổng Công ty đã thoái một phần khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam, Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang vào cuối năm 2019 và do ảnh hưởng của đại dịch Covid 2019 đến hoạt động kinh doanh chung. Tuy nhiên, lợi nhuận kỳ này của Tập đoàn tăng so với kỳ trước do Tập đoàn cắt giảm các chi phí hoạt động.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con này được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Danh sách công ty con được hợp nhất

Tổng Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú có trụ sở chính tại Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc. Mua bán hóa chất thuốc nhuộm, máy móc thiết bị ngành dệt may. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty tại công ty con này là 90% (số đầu năm là 88,61%).

6b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Số 48 Tầng Nhon Phú, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	Số 159 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản	21,51%	21,51%	21,51%	21,51%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Số 09 Phù Đổng Thiên Vương, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị ngành dệt may	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	Số 378 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	44,02%	44,02%	44,02%	44,02%
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	Số 168B Bùi Thị Xuân, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh bông nguyên liệu nhập khẩu; sản xuất và xuất khẩu các loại khăn lông	31,71%	31,71%	34,74%	36,47%
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	Số 727 Âu Cơ, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các sản phẩm dệt	35,99%	35,99%	35,99%	35,99%
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất các sản phẩm dệt	30,35%	30,35%	30,35%	30,35%

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 2.238 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 2.648 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của từng ngân hàng.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của từng ngân hàng.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tổng công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi của phải thu khách hàng được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản phải thu khác được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:
 - Xây dựng dự án bất động sản: bao gồm chi phí xây dựng, lãi vay, quyền sử dụng đất và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
 - Sản xuất sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, chi phí thuê và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa là các chi phí thực tế chi ra để sửa chữa văn phòng cho thuê và máy móc thiết bị. Chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh không quá 03 năm.

Chi phí thuê

Chi phí thuê xe được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (07 năm).

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (12 năm).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	06 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 05 năm.

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư trong 30 năm.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

15. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

16. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

17. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

18. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có dự phòng trợ cấp thôi việc.

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 01 năm làm việc.

46008
CÔNG TY
HÀNG
G PH
HỒ CH
19815-
G TY
M HỮU H
VÀ TUV
C
PHỐC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

19. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

20. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

21. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

23. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

27. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.244.636.088	4.567.731.330
Tiền gửi ngân hàng	29.972.535.551	57.818.907.638
Tiền đang chuyển	110.294.070	-
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	100.000.000	300.000.000
Cộng	<u>31.427.465.709</u>	<u>62.686.638.968</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>108.390.750.832</i>	<i>199.787.143.995</i>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	91.219.965.843	129.822.352.439
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	-	47.594.048.784
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	15.066.518.740	15.066.518.740
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	2.104.266.249	7.198.047.862
Công ty TNHH Linen Supply Services	-	106.176.170
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>279.491.141.622</i>	<i>371.885.134.972</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	32.923.446.043	32.803.446.043
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	45.674.051.175	57.512.699.570
Các khách hàng khác	200.893.644.404	281.568.989.359
Cộng	<u>387.881.892.454</u>	<u>571.672.278.967</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Ngọc Thom	-	2.446.075.500
Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	2.508.914.736	2.508.914.736
Allenberg Cotton Co., Ltd	16.018.720.326	-
Các nhà cung cấp khác	6.316.753.694	11.199.283.952
Cộng	24.844.388.756	16.154.274.188

4. Phải thu về cho vay

4a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu cho vay bên liên quan</i>	<i>70.000.000.000</i>	<i>70.000.000.000</i>
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	70.000.000.000	70.000.000.000
<i>Phải thu cho vay tổ chức khác</i>	<i>61.600.000.000</i>	<i>61.600.000.000</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	61.600.000.000	61.600.000.000
Cộng	131.600.000.000	131.600.000.000

4b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thuận Phú	4.800.000.000	4.800.000.000
Cán bộ công nhân viên	420.000.000	492.000.000
Cộng	5.220.000.000	5.292.000.000

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>179.811.446.132</i>	<i>-</i>	<i>319.645.769.859</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Coats Phong Phú - Cổ tức, lợi nhuận được chia	133.261.814.453	-	278.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam - Phải thu tiền lãi vay	45.332.142.461	-	41.645.769.859	-
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang - Phải thu tiền lãi vay	582.839.218	-	-	-
Công ty Cổ phần May Đà Lạt - Phải thu lợi nhuận được chia	634.650.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>292.008.481.773</i>	<i>(3.242.551.090)</i>	<i>345.362.000.381</i>	<i>(3.242.551.090)</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Lợi nhuận dự án hợp tác kinh doanh Đồng Mai	98.402.161.112	-	98.402.161.112	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Phải thu tiền lãi cho vay	39.006.640.462	-	36.164.407.128	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Phải thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển	135.000.000.000	-	185.000.000.000	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phong Phú - Phải thu tiền hợp tác kinh doanh dự án Đồng Mai Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Phải thu tiền chậm thanh toán	6.317.738.204	-	116.182.648	-
Phải thu chuyển nhượng dự án đầu tư	-	-	10.000.000.000	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	2.300.712.000	-	300.064.500	-
Phải thu tiền lãi cho vay	2.873.008.244	-	6.200.142.857	-
Tạm ứng	2.714.813.431	-	3.021.735.849	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.393.408.320	(3.242.551.090)	6.157.306.287	(3.242.551.090)
Cộng	471.819.927.905	(3.242.551.090)	665.007.770.240	(3.242.551.090)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	43.532.895.759	-	43.532.895.759	-
Các khoản ký quỹ dài hạn	19.891.898.420	-	19.891.898.420	-
Cộng	63.424.794.179	-	63.424.794.179	-

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Tài Tín	3.242.551.090	-	3.242.551.090	-
Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất Anh Vinh	1.972.567.801	-	1.972.567.801	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	6.399.682.866	2.257.902.340	4.720.070.039	1.474.747.389
Cộng	11.614.801.757	2.257.902.340	9.935.188.930	1.474.747.389

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	8.460.441.541	11.824.772.159
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	896.457.876	(69.525.366)
Số cuối kỳ	9.356.899.417	11.755.246.793

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	130.000.841.053	(5.857.676.493)	186.808.329.020	(2.247.728.953)
Công cụ, dụng cụ	88.652.640	-	110.474.467	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	420.586.453.375	(4.801.598.388)	494.729.532.512	(8.229.414.350)
Thành phẩm	355.906.632.168	(20.829.501.083)	321.342.774.945	(25.199.919.390)
Hàng hóa	16.647.446.899	-	4.593.706.160	-
Hàng gửi đi bán	864.489.936	-	20.627.656.381	-
Cộng	924.094.516.071	(31.488.775.964)	1.028.212.473.485	(35.677.062.693)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	35.677.062.693	25.967.271.654
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(4.188.286.729)	(7.709.198.088)
Số cuối kỳ	<u>31.488.775.964</u>	<u>18.258.073.566</u>

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	948.813.364	393.305.061
Chi phí sửa chữa	885.230.213	342.641.665
Chi phí quảng cáo	150.088.484	375.221.211
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.885.819.772	1.248.518.728
Cộng	<u>3.869.951.833</u>	<u>2.359.686.665</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	13.386.225.328	9.543.730.717
Chi phí sửa chữa	9.786.496.869	10.509.265.590
Chi phí thuê	887.500.000	1.100.500.000
Tiền thuê đất	10.530.612.240	11.265.306.120
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.409.707.556	3.644.801.814
Cộng	<u>38.000.541.993</u>	<u>36.063.604.241</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 948.533.245.449 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.24).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	58.710.863.370	1.198.728.546	59.909.591.916
Số cuối kỳ	<u>58.710.863.370</u>	<u>1.198.728.546</u>	<u>59.909.591.916</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.776.659.267	259.724.530	6.036.383.797
Khấu hao trong kỳ	2.225.740.326	59.936.430	2.285.676.756
Số cuối kỳ	<u>8.002.399.593</u>	<u>319.660.960</u>	<u>8.322.060.553</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	52.934.204.103	939.004.016	53.873.208.119
Số cuối kỳ	<u>50.708.463.777</u>	<u>879.067.586</u>	<u>51.587.531.363</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Sau khi kết thúc thời hạn thuê hoặc thanh toán toàn bộ số tiền thuê trước hạn và nếu Tập đoàn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo những thỏa thuận đã nêu trong hợp đồng thuê tài chính, bên cho thuê cam kết sẽ bán lại các tài sản thuê này cho Tập đoàn với giá trọng trung (danh nghĩa).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.299.680.880	583.927.273	3.883.608.153
Số cuối kỳ	3.299.680.880	583.927.273	3.883.608.153
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	158.000.000	158.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	239.061.820	239.061.820
Khấu hao trong kỳ	-	34.197.576	34.197.576
Số cuối kỳ	-	273.259.396	273.259.396
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.299.680.880	344.865.453	3.644.546.333
Số cuối kỳ	3.299.680.880	310.667.877	3.610.348.757
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	14.476.010.625	2.050.768.191	12.425.242.434
Khấu hao trong kỳ		241.266.846	
Số cuối kỳ	14.476.010.625	2.292.035.037	12.183.975.588

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán là các căn hộ thuộc chung cư Nhân Phú đang cho thuê.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Điều chỉnh tăng, giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	1.845.484.544	20.521.165.741	(1.533.105.000)	(221.724.999)	20.611.820.286
Xây dựng cơ bản dở dang	15.976.665.278	10.581.010.743	(20.084.608.355)	5.012.990.558	11.486.058.224
Cộng	17.822.149.822	31.102.176.484	(21.617.713.355)	4.791.265.559	32.097.878.510

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị là 30.690.098.509 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.24).

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ là 21.997.268 VND (cùng kỳ năm trước là 5.573.582 VND).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

14a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty TNHH Coats Phong Phú	85.253.638.578	167.198.263.764	252.451.902.342	85.253.638.578	101.116.076.134	186.369.714.712
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	10.000.000.000	243.150.810	10.243.150.810	10.000.000.000	542.505.598	10.542.505.598
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	6.769.616.000	(1.856.657.452)	4.912.958.548	6.769.616.000	(1.195.355.192)	5.574.260.808
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	144.586.200.608	42.419.146.850	187.005.347.458	144.586.200.608	9.142.177.043	153.728.377.651
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	6.800.516.237	(2.628.838.677)	4.171.677.560	6.800.516.237	(1.472.317.250)	5.328.198.987
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	25.297.321.208	6.411.445.494	31.708.766.702	25.297.321.208	5.348.687.039	30.646.008.247
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	70.968.627.165	(34.746.683.876)	36.221.943.289	70.968.627.165	(26.257.863.109)	44.710.764.056
Cộng	349.675.919.796	177.039.826.913	526.715.746.709	349.675.919.796	87.223.910.263	436.899.830.059

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Các khoản khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty TNHH Coats Phong Phú	186.369.714.712	163.936.794.653	(99.404.634.859)	1.550.027.836	252.451.902.342
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	10.542.505.598	(299.354.788)	-	-	10.243.150.810
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	5.574.260.808	(121.278.164)	(634.650.000)	94.625.904	4.912.958.548
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	153.728.377.651	31.591.830.018	-	1.685.139.789	187.005.347.458
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	5.328.198.987	(530.611.337)	-	(625.910.090)	4.171.677.560
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	30.646.008.247	621.109.131	-	441.649.324	31.708.766.702
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	44.710.764.056	(6.043.394.602)	-	(2.445.426.165)	36.221.943.289
Cộng	436.899.830.059	189.155.094.911	(100.039.284.859)	700.106.598	526.715.746.709

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với cùng kỳ năm trước.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Lợi nhuận được chia	99.404.634.859	156.118.378.139
Cung cấp dịch vụ	8.265.082.639	9.945.574.198
Mua nguyên liệu	63.621.859.253	85.282.521.439
Bán thành phẩm, hàng hóa	187.910.173.760	185.796.706.321
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn		
Cổ tức được chia	300.000.000	-
Công ty Cổ phần May Đà Lạt		
Cổ tức được chia	634.650.000	634.650.000
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú		
Bán hàng hóa, thành phẩm	-	6.985.737.948
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
Lãi cho vay	3.686.372.602	-
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang		
Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	155.126.736.495	-
Mua dịch vụ	786.327.841	-
Bán thành phẩm, hàng hóa	9.198.410.845	-
Cung cấp dịch vụ	5.585.762.388	-
Lãi vay phải thu	2.606.905.313	-

14b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	13.027.052.451	-	13.027.052.451	-
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	32.288.540.334	-	32.288.540.334	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	12.533.634.095	-	12.533.634.095	-
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định Phong Phú	5.852.355.319	(5.852.355.319)	5.852.355.319	(5.852.355.319)
Công ty Cổ phần Len Việt Nam	1.337.103.882	(1.337.103.882)	1.337.103.882	(1.337.103.882)
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may	11.282.879.453	(7.071.125.671)	11.282.879.453	(7.071.125.671)
Công ty Cổ phần Sài Gòn Rạch Giá	2.984.184.383	(1.619.738.599)	2.984.184.383	(1.619.738.599)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thuận Phú	12.018.427.562	-	12.018.427.562	-
Công ty Cổ phần Hưng Phú	1.813.677.769	-	1.813.677.769	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định	7.500.000.000	-	7.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Bông Tây Nguyên	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Phước Lộc	3.216.754.481	-	3.216.754.481	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú	14.093.555.470	-	14.093.555.470	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú Lãng Cô	7.299.200.000	(317.799.051)	7.299.200.000	(317.799.051)
Cộng	125.247.365.199	(16.198.122.522)	125.247.365.199	(16.198.122.522)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	16.198.122.522	14.163.073.851
Hoàn nhập dự phòng	-	(219.028.405)
Số cuối kỳ	<u>16.198.122.522</u>	<u>13.944.045.446</u>

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	5.710.423.046	3.084.961.263
Các chi phí phải trả	5.710.423.046	3.084.961.263
Lỗi tính thuế	364.118.627.981	320.480.021.517
Cộng	<u>369.829.051.027</u>	<u>323.564.982.780</u>

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

16. Lợi thế thương mại

Nguyên giá

Số đầu năm	61.306.069.300
Số cuối kỳ	<u>61.306.069.300</u>

Số đã phân bổ

Số đầu năm	34.733.678.558
Phân bổ trong kỳ	1.968.325.240
Số cuối kỳ	<u>36.702.003.798</u>

Giá trị còn lại

Số đầu năm	26.572.390.742
Số cuối kỳ	<u>24.604.065.502</u>

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	<u>108.599.593.462</u>	<u>126.322.888.893</u>
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	-	-
Công ty TNHH Coats Phong Phú	37.563.918.590	52.016.834.147
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	71.035.674.872	74.306.054.746
Phải trả các nhà cung cấp khác	<u>231.418.642.422</u>	<u>206.195.024.709</u>
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	45.273.841.749	54.749.600.400
Các nhà cung cấp khác ^(*)	186.144.800.673	151.445.424.309
Cộng	<u>340.018.235.884</u>	<u>332.517.913.602</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Tại thời điểm cuối kỳ kế toán, nợ phải trả các nhà cung cấp khác đã được các ngân hàng tài trợ thanh toán bằng Upas L/C là 65.863.310.112 VND (số đầu năm là 0 VND).

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	36.845.370	36.845.370
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	36.845.370	36.845.370
<i>Trả trước của các người mua khác</i>	22.236.767.520	20.678.336.670
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu dệt may Việt Nam	9.962.577.900	9.962.577.900
Các khách hàng khác	12.274.189.620	10.715.758.770
Cộng	22.273.612.890	20.715.182.040

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cho thuê, kinh doanh sợi, xơ, dệt: 10%
- Dịch vụ sử dụng nước, kinh doanh bông phế phẩm: 05%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 43121000136 ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp cho công ty có dự án tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và Công văn số 979/CT-TTHT ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Ninh Thuận về việc hướng dẫn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm (từ năm 2012 đến 2026), miễn thuế 04 năm (từ năm 2013 đến năm 2016) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2017 đến năm 2025).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	253.556.860	527.335.372
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	-	465.300.693
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	-	1.894.696.405
Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	858.049.226	561.651.146
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.111.606.086	3.448.983.616

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm.

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất và thuế nhà đất theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

20. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng,... còn phải trả cho công nhân viên.

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	1.017.571.895	509.481.922
Chi phí hoa hồng	2.025.308.070	1.733.968.792
Chi phí doanh số, hỗ trợ siêu thị	1.780.044.157	2.487.638.720
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.438.542.448	1.645.313.514
Cộng	<u>10.261.466.570</u>	<u>6.376.402.948</u>

22. Doanh thu chưa thực hiện

22a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê nhà máy (xem thuyết minh số V.22b)	3.157.462.000	3.157.462.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	90.909.091	90.909.091
Cộng	<u>3.248.371.091</u>	<u>3.248.371.091</u>

22b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê nhà máy ⁽ⁱ⁾	31.574.620.000	33.153.351.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác ⁽ⁱⁱ⁾	1.445.111.454	1.685.963.364
Cộng	<u>33.019.731.454</u>	<u>34.839.314.364</u>

(i) Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến khoản trả trước tiền thuê nhà máy của Công ty TNHH Coats Phong Phú đến ngày 30 tháng 6 năm 2031.

(ii) Doanh thu tương ứng với giá trị lớn hơn giữa giá bán và giá trị còn lại của tài sản thuê tài chính trong giao dịch bán và thuê lại tài sản.

23. Phải trả khác

23a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	<u>95.079.380.272</u>	<u>75.055.447.041</u>
Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Chi phí lãi vay	4.258.039.072	1.533.457.041
Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Cổ tức phải trả	90.821.341.200	73.521.990.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	<u>88.533.418.783</u>	<u>4.114.354.248</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	2.509.069.902	1.874.277.307
Cổ tức phải trả	82.733.826.995	757.217.995
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.290.521.886	1.482.858.946
Cộng	<u>183.612.799.055</u>	<u>79.169.801.289</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ứng trước dự án và nhận góp vốn hợp tác đầu tư tài chính	24.726.000.000	24.726.000.000
- Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	5.226.000.000	5.226.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	19.500.000.000	19.500.000.000
Nhận ký quỹ dài hạn khác	4.700.000.000	-
Cộng	29.426.000.000	24.726.000.000

23c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

24. Vay và nợ thuê tài chính

24a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan	9.663.078.287	9.175.284.116
Tập đoàn Dệt may Việt Nam (xem thuyết minh số V.24b)	9.663.078.287	9.175.284.116
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	829.515.492.401	1.359.850.392.675
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	771.445.278.775	1.282.388.738.704
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	104.897.104.938	287.125.353.824
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	75.417.801.649	171.371.204.796
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	475.796.097.067	657.948.660.454
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	43.283.032.971	85.403.497.938
Ngân hàng TMCP Quốc tế	18.595.584.708	32.483.348.144
Ngân hàng TMCP Á Châu	44.335.670.173	48.056.673.548
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	9.119.987.269	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24b)	52.374.221.274	67.533.539.277
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24b)	5.695.992.352	9.928.114.694
Cộng	839.178.570.688	1.369.025.676.791

(*) Các khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng để bổ sung vốn lưu động, thanh toán chi phí và phát hành thư bảo lãnh.

Trong đó, số dư nợ vay của Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 241.650.536.614 VND được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú – Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2 tại Ninh Thuận; Hồ xử lý nước thải giai đoạn 2 : 3.700m³/ngày đêm; Hệ thống máy móc thiết bị thuộc dự án, hệ thống 30 máy dệt khí đã qua sử dụng hiệu ZA207TI; Hệ thống máy móc, thiết bị hình thành từ dự án “Đầu tư 04 máy se cứng và 01 máy dệt thế hệ mới” (xem thuyết minh số V.9 và V.13).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn phải trả bên liên quan</i>	<i>528.146.312.676</i>	<i>531.494.118.273</i>
Tập đoàn Dệt may Việt Nam ⁽ⁱ⁾	528.146.312.676	531.494.118.273
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>493.594.109.569</i>	<i>504.631.874.789</i>
Vay dài hạn ngân hàng	356.268.517.317	360.274.527.983
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	329.419.682.517	331.425.202.743
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	16.500.000.000	17.820.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ^(iv)	10.348.834.800	11.029.325.240
Vay dài hạn các tổ chức khác	9.600.000.000	9.600.000.000
Quỹ bảo vệ môi trường ^(v)	9.600.000.000	9.600.000.000
Vay dài hạn các cá nhân ^(vi)	99.388.053.245	105.751.919.319
Nợ thuê tài chính	28.337.539.007	29.005.427.487
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(vii)	17.906.625.684	18.574.514.164
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease ^(viii)	10.430.913.323	10.430.913.323
Cộng	1.021.740.422.245	1.036.125.993.062

(i) Khoản vay Tập đoàn Dệt may Việt Nam để tái cấu trúc tài chính, trả nợ cho các khoản nợ dài hạn của các tổ chức tín dụng theo các nội dung Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã cam kết với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Bộ Tài chính. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định (xem thuyết minh V.9).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho các mục đích sử dụng vốn vay như sau:

- Thanh toán các chi phí liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án “Đầu tư nhà máy dệt vải Denim Nha Trang” với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).
- Thanh toán chi phí thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng và mua sắm máy móc thiết bị thuộc dự án Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú tại Ninh Thuận. Thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản gắn liền với đất thuộc dự án “Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú” và máy móc, thiết bị thuộc dự án “Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú – Giai đoạn 1” (xem thuyết minh số V.9).
- Bù đắp các chi phí các dự án “Nhà máy khăn bông Quảng Phú” tại Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận; hạn mức cho vay tối đa là 30.000.000.000 VND với lãi suất 10,5%/năm tại ngày giải ngân (lãi suất được điều chỉnh theo sự thỏa thuận giữa hai bên). Thời hạn cho vay đến 22 tháng 8 năm 2024 (81 tháng). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là công trình “Nhà máy khăn bông Quảng Phú” và tài sản là máy móc, thiết bị thuộc dự án “Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú – Giai đoạn 1” (xem thuyết minh số V.9).
- Đầu tư mua máy móc thiết bị tại Nhà máy dệt Hải Vân, hạn mức cho vay tối đa là 3.283.000.000 VND với lãi suất cho vay tại ngày giải ngân là 9,2%/năm (lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần). Thời hạn cho vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là máy móc, thiết bị hình thành từ vốn vay và vốn đối ứng của phương án “Đầu tư máy móc thiết bị nhà máy Hải Vân” (xem thuyết minh số V.9 và V.13).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đầu tư thực hiện dự án “Nhà máy khăn bông Quảng Phú - Giai đoạn 2” tại Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, hạn mức cho vay tối đa là 150.222.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương với lãi suất theo từng lần giải ngân (được điều chỉnh 03 tháng/lần). Thời hạn cho vay là 84 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản bao gồm công trình xưởng chuẩn bị Nhà máy dệt và xưởng Jacquard công nhân nhà máy dệt tại Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, máy móc, thiết bị hình thành từ vốn vay và vốn đối ứng của dự án Nhà máy Khăn bông Quảng Phú - Giai đoạn 2 (xem thuyết minh số V.9 và V.13).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để xây dựng Dự án nhà nghỉ dưỡng cho cán bộ, công nhân viên số 14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội để thanh toán L/C đầu tư máy móc thiết bị, thời hạn vay là 10 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).
- (v) Khoản vay Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam cho các mục đích sử dụng vốn vay như sau:
 - Khoản vay 12 tỷ VND để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú, công suất 1.250m³/ngày đêm với lãi suất 3,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc bảo lãnh của ngân hàng.
 - Khoản vay 15 tỷ VND để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú, công suất 1.850 m³/ngày đêm với lãi suất 2,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc bảo lãnh của ngân hàng.
- (vi) Khoản vay dài hạn các cá nhân và các tổ chức khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (vii) Khoản nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh cho các mục đích sử dụng như sau:
 - Để thuê máy móc thiết bị với lãi suất bằng lãi suất Libour USD kỳ hạn 06 tháng công bố tại thời điểm thuê cộng với biên độ 2,7%/ năm, thời hạn thuê là 84 tháng.
 - Để thuê máy móc thiết bị nhuộm, máy hồ, máy nhuộm khăn và xe ô tô. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng.
- (viii) Khoản nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease cho các mục đích sử dụng như sau:
 - Để thuê 04 máy cắt ngang tự động khổ hẹp Model HEIGTAI HT-420, máy in phun kỹ thuật số DS-EJ640 Model Roland EJ640, máy khuấy in màu Model Cp5vr, máy phủ keo cảm quang, máy mài dao gọt A-305 và 12 máy nhuộm. Thời hạn thuê 48 tháng, số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng.
 - Để thuê các tài sản gồm máy in phun kỹ thuật số DS-EJ640 Model Roland EJ640, máy khuấy in màu Model Cp5vr, máy phủ keo cảm quang và máy mài dao gọt A-305. Thời hạn thuê 48 tháng. Và số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng.
 - mua 12 máy nhuộm. Thời hạn thuê 48 tháng đến ngày 25 tháng 12 năm 2023. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	406.812.738.591	50.544.221.274	220.432.724.355	135.835.792.962
Vay dài hạn các tổ chức khác	549.239.390.963	11.493.078.287	59.225.291.805	478.521.020.871
Vay dài hạn các cá nhân	99.388.053.245	-	-	99.388.053.245
Nợ thuê tài chính	34.033.531.359	5.695.992.352	26.841.213.007	1.496.326.000
Cộng	<u>1.089.473.714.158</u>	<u>67.733.291.913</u>	<u>306.499.229.167</u>	<u>715.241.193.078</u>
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	423.598.067.260	63.323.539.277	246.029.741.105	114.244.786.878
Vay dài hạn các tổ chức khác	554.479.402.389	13.385.284.116	56.720.192.884	484.373.925.389
Vay dài hạn các cá nhân	105.751.919.319	-	-	105.751.919.319
Nợ thuê tài chính	38.933.542.181	9.928.114.694	26.792.623.638	2.212.803.849
Cộng	<u>1.122.762.931.149</u>	<u>86.636.938.087</u>	<u>329.542.557.627</u>	<u>706.583.435.435</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

24c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	5.128.012.990	22.253.931.000	(4.096.400.000)	23.285.543.990
Quỹ phúc lợi	3.254.021.952	5.000.000.000	(1.689.084.648)	6.564.937.304
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	102.871.619	7.501.123.000	(2.456.000.000)	5.147.994.619
Cộng	<u>8.484.906.561</u>	<u>34.755.054.000</u>	<u>(8.241.484.648)</u>	<u>34.998.475.913</u>

26. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến dự phòng trợ cấp mất việc làm. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	3.106.843.070	2.675.092.625
Tăng do trích lập	28.550.660	29.616.625
Số sử dụng	(351.983.025)	(122.746.500)
Số cuối kỳ	<u>2.783.410.705</u>	<u>2.581.962.750</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27. Vốn chủ sở hữu

27a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

27b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	374.087.960.000	374.087.960.000
Các cổ đông khác	372.620.950.000	372.620.950.000
Cộng	<u>746.708.910.000</u>	<u>746.708.910.000</u>

27c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	74.670.891	74.670.891
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu phổ thông	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu phổ thông	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

27d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 26 tháng 6 năm 2020 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông (25%/mệnh giá cổ phiếu)	164.275.960.200
• Trích Quỹ đầu tư phát triển (15%)	37.505.615.000
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10,5%)	26.253.931.000
• Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành (3%)	7.501.123.000

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	203.380,99	156.037,61
Euro (EUR)	393,01	398,47

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	781.411.070.320	1.213.695.586.751
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	295.492.531.261	573.418.013.984
Doanh thu kinh doanh bất động sản	7.239.126.727	28.862.144.219
Cộng	1.084.142.728.308	1.815.975.744.954

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.14a, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	-	1.047.531.504
Hàng bán bị trả lại	4.325.454.754	6.699.871.175
Giảm giá hàng bán	-	9.417.193.00
Cộng	4.325.454.754	7.756.819.872

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	683.243.711.606	1.108.460.158.429
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	274.607.761.898	531.326.264.751
Giá vốn của bất động sản đã bán	5.971.342.425	23.595.039.430
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.188.286.729)	(7.709.198.088)
Cộng	959.634.529.200	1.655.672.264.522

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	29.780.491	45.265.226
Lãi trả chậm thanh toán	6.201.555.556	10.990.000.000
Lãi tiền cho vay	-	5.205.734.575
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.800.712.000	8.497.524.150
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.760.853.041	2.346.054.618
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	612.349.113	9.175.470.832
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	212.500.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	64.135.805	57.014.019
Cộng	20.469.386.006	36.529.563.420

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	49.954.170.009	84.324.781.953
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.031.617.991	606.445.523
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.038.075.695	4.136.118.290
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	(219.028.405)
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.774.014.513	759.295.670
Cộng	57.797.878.208	89.607.613.031

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.308.737.345	20.022.233.481
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.481.148	244.628.376
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	8.000.413
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.687.283.969	21.132.522.799
Chi phí khác	8.813.660.220	28.559.214.626
Cộng	39.880.162.682	69.966.599.695

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	29.777.495.238	45.065.337.948
Chi phí vật liệu quản lý	1.581.958.057	2.132.232.207
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.714.108.928	1.524.931.794
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	1.968.325.240	2.143.999.602
Thuế, phí và lệ phí	2.864.474.514	2.331.655.694
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	896.457.876	(69.525.366)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.629.686.806	-
Chi phí khác	6.875.456.511	50.484.663.214
Cộng	60.307.963.170	103.613.295.093

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	514.829.492
Thu nhập từ vốn vay được miễn	-	2.000.000.000
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	1.791.028.300
Tiền bồi thường của bảo hiểm	-	4.482.448.227
Thu nhập khác	2.154.881	386.021.621
Cộng	2.154.881	9.174.327.640

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	126.841.412	-
Tiền phạt vi phạm hành chính	-	18.000.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	195.129.994
Chi phí khác	59.411.034	1.729.498.232
Cộng	186.252.446	1.942.628.226

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	169.387.869.837	135.868.842.749
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(8.419.086.840)	(9.473.970.853)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành	(2.405.453.383)	(3.157.990.284)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	(213.333.334)	(396.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	158.349.996.280	122.840.881.612
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	74.670.891	74.670.891
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.121	1.645

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu lãi cho vay cần trừ vào chi phí lãi vay	10.863.293.652	4.468.082.273
Cần trừ khoản phải trả tiền vay với công nợ phải thu	6.974.510.416	19.638.857.464
Kết chuyển khoản vay vào thu nhập khác	-	2.000.000.000
Cần trừ lãi cho vay phải thu với công nợ phải trả	3.189.172.062	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản công nợ liên quan đến tài sản cố định của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	805.021.920	1.716.846.945
Mua tài sản cố định bằng cách nhận nợ phải trả	1.862.073.642	571.325.400

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	68.458.181.228	27.299.062.711
Trên 01 năm đến 05 năm	245.052.610.982	106.023.762.753
Trên 05 năm	401.395.927.842	140.982.492.008
Cộng	714.906.720.052	274.305.317.471

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 1.237.461.440 VND (cùng kỳ năm trước là 1.709.425.330 VND).

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewoon Thủ Đức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	Công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.14a, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với Tập đoàn Dệt may Việt Nam như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuê văn phòng	-	1.282.323.000
Cổ tức phải trả	82.299.351.200	93.521.990.000
Lãi vay phải trả	9.648.022.318	5.093.777.753
Mua hàng hóa	969.570.000	1.085.918.400
Chi phí dịch vụ	215.000.000	80.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.4, V.5, V.17, V.18, V.23 và V.24.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phụ vụ cho các thị trường khác nhau.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất sợi, vải, khăn, chỉ may, may mặc thời trang,..
- Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác: mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang, kinh doanh bất động sản và thực hiện các dự án cụm công nghiệp, khu du lịch và tòa nhà phức hợp.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 05 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Tổng Công ty chủ yếu là Việt Nam, các nước Châu Á khác (Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Thái Lan) các nước Châu Âu và Mỹ.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Việt Nam	705.665.161.187	1.271.337.472.040
Các nước khác	374.152.112.367	536.881.453.042
Cộng	1.079.817.273.554	1.808.218.925.82

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Thông tin khác

Ngày 22 tháng 6 năm 2019 Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 2649/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 6077/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về chấp thuận cho chuyển nhượng Dự án Phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV và Tổng Công ty. Theo đó, hai bên phải giao trả, chuyển giao những gì mà hai bên đã thỏa thuận của nhau trước đây và cam kết không thắc mắc khiếu nại gì về sau; thông báo cho các bên có liên quan về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, Quận 9; giải quyết các vấn đề phát sinh với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án do hai bên đã ký kết trước đó theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong năm 2018 và 2019, Tổng Công ty đã bàn giao một số căn cho khách hàng và ghi nhận doanh thu, giá vốn vào kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

Doanh thu kinh doanh bất động sản	121.861.827.748
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	116.927.856.876
Lãi gộp	4.933.970.872

Hiện tại Tập đoàn đang chờ hướng dẫn và giải quyết các vấn đề dân sự phát sinh (nếu có) do việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án giữa các bên theo quy định pháp luật hiện hành.

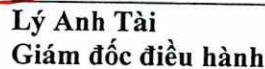
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2020



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu



Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng



Lý Anh Tài
Giám đốc điều hành

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	608.822.729.359	1.495.315.680.374	36.714.866.541	11.274.249.957	-	2.152.127.526.231
Mua trong kỳ	-	2.243.940.330	110.000.000	-	-	2.353.940.330
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	20.084.608.355	-	-	-	-	20.084.608.355
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.123.286.980)	(1.083.761.319)	(116.728.000)	-	-
Số dư cuối kỳ	628.907.337.714	1.493.436.333.724	35.741.105.222	11.157.521.957	-	(5.323.776.299)
<i>Trong đó:</i>						2.169.242.298.617
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	42.409.532.720	135.219.196.151	10.011.768.554	2.745.262.883	-	190.385.760.308
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	152.810.399.231	670.236.957.337	21.013.837.344	4.371.403.509	-	848.432.597.422
Khấu hao trong kỳ	10.602.532.195	58.136.011.393	1.367.212.076	386.616.083	-	70.492.371.747
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.313.186.676)	(1.023.613.179)	(116.728.000)	-	-
Số dư cuối kỳ	163.412.931.426	726.059.782.054	21.357.436.241	4.641.291.592	-	(3.453.527.855)
Giá trị còn lại						915.471.441.314
Số đầu năm	456.012.330.128	825.078.723.037	15.701.029.197	6.902.846.448	-	1.303.694.928.809
Số cuối kỳ	465.494.406.288	767.376.551.670	14.383.668.981	6.516.230.365	-	1.253.770.857.303
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu



Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2020

Lý Anh Tài
Giám đốc điều hành



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Cân trừ	Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp		Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	176.396.649	-	21.764.250.010	(9.207.386.247)	-	12.733.260.412	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.509.769.235	(2.509.769.235)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	45.989.095	164.636.621	(227.163.728)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	873.569.662	207.769.015	1.111.606.086	(464.817.846)	(253.556.860)	1.266.801.042	108.516.202
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	-	-	-	-	-	207.769.015
Thuế thu nhập cá nhân	6.884.836.301	-	5.113.905.792	(11.477.965.068)	-	-	-
Thuế tài nguyên	41.049.318	-	113.502.856	(128.804.236)	-	520.777.025	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.551.233.684	(361.276.153)	-	25.747.938	-
Các loại thuế khác	-	-	20.020.000	(20.020.000)	-	2.189.957.531	-
Cộng	7.975.851.930	253.758.110	33.348.924.284	(24.397.202.513)	(253.556.860)	16.736.543.948	316.285.217



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu



Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2020

Lý Anh Tài
Giám đốc điều hành



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 03: Bảng tăng, giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng do lãi nhập gốc	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Cản trừ công nợ	Số cuối kỳ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả bên liên quan	9.175.284.116	-	4.934.511.257	-	29.030.708	(4.475.747.794)	-	9.663.078.287
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.359.850.392.675	934.082.587.255	17.953.073.009	-	1.248.359.334	(1.483.618.919.872)	-	829.515.492.401
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.282.388.738.704	934.082.587.255	-	-	1.135.620.695	(1.446.161.667.879)	-	771.445.278.775
Vay dài hạn đến hạn trả	67.533.539.277	-	17.232.099.760	-	90.612.770	(32.482.030.533)	-	52.374.221.274
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	9.928.114.694	-	720.973.249	-	22.125.869	(4.975.221.460)	-	5.695.992.352
Cộng	1.369.025.676.791	934.082.587.255	22.887.584.266	-	1.277.390.042	(1.488.094.667.666)	-	839.178.570.688

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Tăng do lãi nhập gốc	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Cản trừ công nợ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn các bên liên quan	531.494.118.273	-	(4.934.511.257)	-	1.586.705.660	-	-	528.146.312.676
Vay dài hạn ngân hàng	360.274.527.983	12.800.679.436	(17.232.099.760)	-	425.409.658	-	-	356.268.517.317
Vay dài hạn các tổ chức khác	9.600.000.000	-	-	-	-	-	-	9.600.000.000
Vay dài hạn các cá nhân	105.751.919.319	17.277.801.520	-	1.805.878.520	-	(18.473.035.698)	(6.974.510.416)	99.388.053.245
Nợ thuê tài chính	29.005.427.487	-	(720.973.249)	-	53.084.769	-	-	28.337.539.007
Cộng	1.036.125.993.062	30.078.480.956	(22.887.584.266)	1.805.878.520	2.065.200.087	(18.473.035.698)	(6.974.510.416)	1.021.740.422.245



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu



Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2020

Lý Anh Tài
Giám đốc điều hành

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 04: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	746.708.910.000	35.309.411.225	339.061.007.341	291.153.672	414.677.387.285	145.330.659.750	1.681.378.529.273
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	135.868.842.749	(3.457.085.237)	132.411.757.511
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(186.677.227.500)	(2.218.500.000)	(188.895.727.500)
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	16.031.335.408	-	(39.401.272.027)	-	(23.369.936.619)
Chi quỹ trong kỳ	-	-	(1.472.727.273)	-	-	-	(1.472.727.273)
Giảm do thoái vốn	-	(1.886.152.344)	(3.556.079.432)	(291.153.672)	5.733.385.448	(32.262.075.319)	(32.262.075.319)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành	-	-	-	-	(96.000.000)	-	(96.000.000)
Các khoản điều chỉnh khác	-	-	-	-	923.524.805	-	923.524.806
Số dư cuối kỳ trước	746.708.910.000	33.423.258.881	350.063.536.044	-	331.028.640.760	107.392.999.194	1.568.617.344.879
Số dư đầu năm nay	746.708.910.000	32.368.276.001	337.923.966.476	-	404.766.823.758	18.469.401.148	1.540.237.377.383
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	169.387.869.837	1.137.647.723	170.525.517.560
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(164.275.960.200)	(1.800.000.000)	(166.075.960.200)
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	37.505.615.000	-	(72.160.669.000)	(100.000.000)	(34.755.054.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành	-	-	-	-	(213.333.334)	-	(213.333.334)
Các khoản điều chỉnh khác	-	-	-	-	7.847.245.352	-	7.847.245.352
Số dư cuối kỳ này	746.708.910.000	32.368.276.001	375.429.581.476	-	345.351.976.413	17.707.048.871	1.517.565.792.761



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu



Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng



Lý Anh Tài
Giám đốc điều hành

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 05: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	777.085.615.566	302.731.657.988	-	1.079.817.273.554
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	777.085.615.566	302.731.657.988	-	1.079.817.273.554
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	98.030.190.689	22.152.553.665	-	120.182.744.354
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(100.188.125.852)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				19.994.618.502
Doanh thu hoạt động tài chính				20.469.386.006
Chi phí tài chính				(57.797.878.208)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	163.815.516.489	25.339.578.422	-	189.155.094.911
Thu nhập khác				2.154.881
Chi phí khác				(186.252.446)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.111.606.086)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				170.525.517.560
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	64.234.930.394	10.500.000	-	64.245.430.394
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	68.624.422.487	18.616.282.774	-	87.240.705.261
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	925.008.536	-	-	925.008.536

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 05: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.205.938.766.879	602.280.158.203	-	1.808.218.925.082
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.205.938.766.879	602.280.158.203	-	1.808.218.925.082
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	105.187.806.538	47.358.854.022	-	152.546.660.560
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(173.579.894.788)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(21.033.234.228)
Doanh thu hoạt động tài chính				36.529.563.420
Chi phí tài chính				(89.607.613.031)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	201.256.438.680	1.483.886.872	-	202.740.325.552
Thu nhập khác				9.174.327.640
Chi phí khác				(1.942.628.226)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(3.448.983.616)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				132.411.757.511
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	59.395.042.643	3.569.327.813	-	62.964.370.456
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	75.266.076.465	21.317.649.427	-	96.583.725.892
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	119.616.625	-	-	119.616.625



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 05: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.826.204.137.473	918.948.465.334	-	2.745.152.602.807
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	1.339.929.609.922
Tổng tài sản				4.085.082.212.729
Nợ phải trả				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.462.057.345.855	841.316.649.082	-	2.303.373.994.937
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	7.004.700.254	8.307.670.284	-	15.312.370.538
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	248.830.054.493
Tổng nợ phải trả				2.567.516.419.968
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.891.428.241.305	1.110.356.647.524	-	3.001.784.888.829
Tài sản phân bổ cho bộ phận	226.269.454	174.244.981	-	400.514.435
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	1.532.950.317.934
Tổng tài sản				4.535.135.721.198
Nợ phải trả				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.743.775.122.141	1.080.508.290.072	-	2.824.283.412.213
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	3.667.441.154	2.824.213.362	-	6.491.654.516
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	164.123.277.086
Tổng nợ phải trả				2.994.898.343.815

Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu

Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2020

Lý Anh Tài
Giám đốc điều hành

